

Quảng Nam trong chính sách thương mại hướng biển thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)

Nguyễn Thị Vĩnh Linh*

Nhận ngày 2 tháng 3 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Tóm tắt: Vào thế kỷ XVI-XVII, châu Á bước vào “kỷ nguyên thương mại” với sự khai mở và phát triển rực rỡ của các tuyến hải thương nội Á và xuyên Á. Ở khu vực Đông Nam Á, “thời kỳ hoàng kim của hoạt động thương mại Đông Nam Á” được mở ra dẫn tới sự hưng khởi của hàng loạt cảng thị như Malacca, Pattani, Ayuthaya... Tại Việt Nam, cùng với quá trình xác lập quyền lực của chúa Nguyễn ở vùng Thuận Hóa, chính sách hướng biển được định hình và thực thi bởi chúa Tiên Nguyễn Hoàng và những người nối nghiệp ông. Lần đầu tiên trong lịch sử, một thể chế chính trị tập trung phát triển thương mại biển đã xuất hiện. Tận dụng những ưu thế sẵn có về điều kiện tự nhiên, Quảng Nam đã xây dựng được vị thế của mình trong mạng lưới thương mại biển nội Á và xuyên Á. Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích chính sách thương mại hướng biển của chính quyền chúa Nguyễn và vai trò của vùng đất Quảng Nam trong chính sách đó.

Từ khóa: Quảng Nam, chính sách thương mại hướng biển, chúa Nguyễn, thế kỷ XVI-XVII.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: In the sixteenth and seventeenth centuries, Asia entered the "trade era" with the brilliant opening and development of intra-Asian and trans-Asian trade routes. In Southeast Asia, the "golden age of Southeast Asian trade" was opened, leading to the flourishing of a series of ports such as Malacca, Pattani, Ayuthaya... In Vietnam, along with the process established the power of Lord Nguyễn in Thuận Hóa area, the policy towards the sea was shaped and implemented by Lord Tiên Nguyễn Hoàng and his successors. For the first time in history, a political institution focused on developing maritime trade has emerged. Taking advantage of the available advantages of natural conditions, Quảng Nam built its position in the intra-Asian and trans-Asian sea trade network. In this study, we focus on analyzing the sea-oriented trade policy of the Nguyễn Lords and the role of Quảng Nam in that policy.

Keywords: Quảng Nam, commercial policy towards the sea, Lord Nguyễn, 17-18th centuries.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Thương mại biển ở Đàng Trong vào đầu thời cận đại là vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế với các tác phẩm tiêu biểu như: *Phố cảng vùng Thuận Quảng - Thế kỷ XVII-XVIII* (Đỗ Bang); *Các nguồn hàng thương phẩm của Đàng Trong* (2007, 2011) (Nguyễn Văn Kim); *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế - xã hội thế kỷ XVII-XVIII* (Li Tana), *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển* (Nguyễn Văn Kim); *Ứng đối của chính quyền Đàng Trong với các thế lực phương Tây* (Nguyễn Văn Kim); *Chính sách hướng biển của chính quyền Đàng Trong thế kỷ XVI-XVIII* (Dương Văn Huy); *Mạng lưới thương mại Nội Á và Bang giao Hà Lan - Đại Việt* (Hoàng Anh Tuấn); *Về hoạt động thương mại của công ty Đông Ấn Pháp với Đại Việt (nửa cuối thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XVIII)* (Nguyễn Mạnh Dũng)... Với cái nhìn hệ thống, các tác giả đã đặt Đàng Trong như một chỉnh thể nghiên cứu mà trong đó vùng đất Quảng Nam với sự tích hợp của điều kiện “nội sinh” thuận lợi, điều kiện giao lưu thế giới và khu vực rộng mở, đã dần đóng vai trò quan trọng trong “chính sách hướng biển” của chính quyền Đàng Trong.

* Trường Đại học Quảng Nam.
Email: nguyenthivinhlinh@gmail.com

Chính sách “hướng biển” ấy đã thu hút nhiều thương nhân, linh mục, nhà hàng hải,... trong khu vực và thế giới tìm đến Đàng Trong vào thế kỷ XVI-XVIII. Những chuyến hải trình ấy đã để lại cho hậu thế những tác phẩm du ký mà đến nay là nguồn tài liệu quan trọng để tìm hiểu về Đàng Trong nói chung và Quảng Nam nói riêng, nổi bật như: *Hải ngoại ký sự* (Thích Đại Sán), *Xứ Đàng Trong 1621* (Christophoro Borri);...

Trên cơ sở những nguồn tư liệu đáng tin cậy, dưới góc nhìn của lý thuyết hệ thống - cấu trúc, kết hợp với phương pháp lịch sử - logic, phân tích, so sánh,... được xác định trong một không gian cụ thể: Quảng Nam (thế kỷ XVII-XVIII), chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu về vị thế của vùng đất Quảng Nam trong chính sách thương mại hướng biển Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn.

2. Chính sách thương mại hướng biển của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong (thế kỷ XVII-XVIII)

Từ nửa cuối thế kỷ XVI, khi vào trấn thủ vùng Thuận Hoá, chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã có những bước chuẩn bị đầu tiên cho việc xây dựng chính quyền tự trị, thoát khỏi sự kiểm soát của vương triều Lê - Trịnh. Một trong những quyết sách mang tầm chiến lược của chúa Tiên và được kế thừa bởi các đời chúa Nguyễn tiếp theo là đẩy mạnh phát triển thương mại biển, lấy hệ thống các cảng thị ở miền Trung làm trung tâm. “Cách thức lựa chọn con đường phát triển đó đã đưa Đàng Trong tái hợp với mô hình phát triển chung của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á và ngả mạnh về hướng biển” (Nguyễn Văn Kim, 2006: 22). Việc lựa chọn đường lối phát triển hướng biển của chính quyền chúa Nguyễn xuất phát từ những lý do chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, do điều kiện tự nhiên của vùng Thuận Hoá và các vùng đất thuộc Trung Bộ Việt Nam ngày nay - nơi dựng nghiệp của chúa Nguyễn, không thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp lúa nước trên diện rộng như ở đồng bằng sông Hồng. Địa hình của khu vực này bị chia cắt bởi các mạch núi và các dòng sông. “Cấu trúc hợp thành bởi những yếu tố sơn - thủy ấy đã tạo nên lần ranh, dải phân định tự nhiên giữa các vùng miền, địa phương theo cả chiều dọc và chiều ngang lãnh thổ” (Nguyễn Văn Kim, 2019: 314). Bên cạnh đó, diện tích đồng bằng nhỏ hẹp nên “thật khó có thể bảo tồn được sự sống lâu dài nếu con người chỉ hoàn toàn đánh cược vào nghề nông” (Nguyễn Thị Ngọc Thảo, 2020: 42). Trong buổi đầu xây dựng chính quyền, chúa Tiên Nguyễn Hoàng của các vụ chúa kế tục bắt buộc phải nhìn ra biển Đông và tìm một cách thức mới để “vực dậy” một vùng đất vốn bị tàn phá và hoang tàn sau khi vương triều Champa suy yếu như một nhận định của Nguyễn Thị Ngọc Thảo: Để tồn tại và phát triển, cư dân “vùng đất mới” của chúa Nguyễn không thể chỉ thuần túy dựa vào kinh tế nông nghiệp mà phải tiến ra biển, hướng biển để đáp ứng nhu cầu sống, khai thác biển để sinh tồn (Nguyễn Thị Ngọc Thảo, 2020: 44).

Thứ hai, khi vào định cư trên phần lãnh thổ của vương quốc Champa trước đây, người Việt đã tiếp nhận những tri thức và kinh nghiệm đi biển phong phú của dân tộc Chăm - vốn nổi tiếng không chỉ là “chuyên gia trên mặt nước, họ (người Chăm) còn phát triển hệ thống thương mại đường bộ sử dụng vật thô bằng bò hoặc trâu. Việc sử dụng một cách linh hoạt các hình thức vận chuyển đã cho phép họ xây dựng một hệ thống thương mại, cả trên biển và đến tận các miền núi cao” (Hardy, A.D. Cucarzi M., Zolese P., 2009: 110-111). Đặc biệt từ sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, mô hình kinh tế trước đây của Champa càng trở nên phù hợp với nhu cầu của chúa Nguyễn. Tư duy phát triển kinh tế lấy ngoại thương làm đòn bẩy đã tạo nên cho các cảng thị Đàng Trong một cơ hội để hồi sinh như trong *Phủ biên tạp lục* có ghi lại rằng: “...chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều đến buôn bán, đôi chác phải giá, quân lệnh nghiêm minh, ai cũng cố gắng, trong cõi đều an cư lạc nghiệp” (Lê Quý Đôn, 2017: 43).

Thứ ba, ưu điểm mang tính chiến lược của các vùng đất thuộc Đàng Trong là vị trí địa - kinh tế, địa - chính trị đặc biệt quan trọng trong hệ thống thương mại Nội Á. Do cấu tạo địa chất, ở dọc ven biển miền Trung là các vũng, vịnh nước sâu, kín gió, thuận lợi cho việc thiết lập quân cảng và thương cảng. Chính vì lẽ đó, ngay từ xa xưa, “miền Trung Việt Nam là cửa ngõ cho các hoạt động giao thông đường thủy trong khu vực, nơi mà hầu hết thương nhân, khách hành hương và các đoàn

triều công đặt chân tới...” (Nguyễn Văn Kim, 2019: 331). Đến thời đại hàng hải, “miền Trung vẫn đóng vai trò trung tâm trong giao thương vận tải biển khu vực, vùng biển phía Nam Trung Hoa trong thời đại của ngành hàng hải” (Nguyễn Thị Ngọc Thảo, 2020: 66). Và khi đến Đàng Trong vào những thập niên đầu thế kỷ XVII, giáo sĩ người Ý thuộc Dòng Tên Christophoro Borri đã lấy làm ngạc nhiên rằng: “Còn về hải cảng thì thật lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi hải cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền” (Dror, O., Taylor, K.W., 2006: 33; Borri, C., 1999: 91).

Trên cơ sở những nền tảng vừa mang tính “lịch sử” vừa mang tính “thời đại” như vậy, chính sách thương mại biển của chính quyền Đàng Trong có những biểu hiện cụ thể như sau:

Đầu tiên, các chúa Nguyễn bắt đầu từ Nguyễn Hoàng đều chọn vị trí đóng đô ở những nơi có tiềm lực về giao thương đường biển. Ví dụ như dinh Ái Tử là vùng đất chiến lược của Quảng Trị vào thế kỷ XVI, là nơi mà chúa Tiên có thể dựa vào để khống chế tuyến thủy lộ Bắc - Nam và là trung tâm cung cấp hồ tiêu và các loại hương liệu quý. Hay như Phú Xuân (Huế) sau này với cảng thị Thanh Hà (Huế) - là một cảng thị lớn nhất “của đất kinh thành thu hút nhiều tàu buôn bán của Trung Quốc, Nhật Bản, của các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hà Lan” (Đỗ Bang, 1996: 96). Với mạng lưới đường thủy vô cùng thuận lợi, Thanh Hà là nơi tiếp nhận hàng hóa của các xứ miền Thuận Hóa, miền Trung và buôn bán với cả các mường Lào. Thuyền buồm của người Trung Hoa hoặc tàu buôn của thương nhân phương Tây (trong đó có người Bồ Đào Nha) có thể vào hải cảng này thông qua Cửa Eo (Thuận An) và Cửa Tư Hiền để thu mua hàng hóa trong mùa mậu dịch.

Không chỉ dừng lại ở đó, các chúa Nguyễn còn trở thành người tiên phong khai mở hoạt động giao thương với bên ngoài thông qua bức thư gửi tướng quân Nhật Bản Tokugawa Ieyasu (1542-1616) vào ngày 05 tháng 05 năm Hoằng Định thứ hai” (Đoàn Lê Giang, 2014). Nội dung chủ yếu của các bức thư là xây dựng mối quan hệ thương mại giữa hai bên, đồng thời bày tỏ nhiệt tình, sẵn sàng tiếp đãi các khách buôn ngoại quốc. Để thể hiện thiện ý của mình, các chúa Nguyễn đã không ngừng ban hành chính sách thu hút thương nhân nước ngoài đến Đàng Trong. Chính sách trọng thương và hướng biển này của chính quyền chúa Nguyễn đã bắt gặp được sự tương đồng hết sức sâu sắc trong bối cảnh thời đại hoàng kim về thương mại biển trên toàn thế giới. Vì thế, “trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế hải thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế lúc bấy giờ, cả ở châu Á và châu Âu, đều đến và thiết lập quan hệ trao đổi, buôn bán với Đàng Trong” (Nguyễn Văn Kim, 2006: 23). Và trong bối cảnh ấy, Quảng Nam đã trở thành vùng đất đóng vai trò cực kỳ quan trọng và không thể thay thế trong chính sách thương mại hướng biển của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

3. “Hấp lực” của Quảng Nam trong chính sách thương mại hướng biển thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)

Trong sự đối sánh với các vùng đất khác ở Đàng Trong, Quảng Nam có những ưu thế riêng để xác lập vị thế là một trong những “trung tâm kinh tế” trong chính sách hướng biển của chính quyền Đàng Trong.

Thứ nhất, sự hồi sinh của cảng thị Hội An - “một Chiêm cảng thời đại Champa” (Đỗ Bang, 1996: 44). Nghiên cứu về mạng lưới thương mại biển ở Việt Nam, Nguyễn Văn Kim đã đánh giá: “hoạt động thương mại đã góp phần tạo nên một nền văn hoá cảng thị miền Trung thời đại Chăm-pa trong lịch sử hàng hải vùng Tây Thái Bình Dương” (Nguyễn Văn Kim, 2019: 155). Chính nền văn hoá cảng thị ấy đã góp phần mang lại sự phồn vinh cho vương quốc Champa nói chung và các nagara quản lý vùng cửa sông, cửa biển nói riêng. Thế nhưng, cùng với sự suy tàn của Champa, một loạt chuỗi liên kết giữa các thương cảng ở miền Trung cũng lần lượt đứt gãy, Đại Chiêm hải khẩu cũng trở nên tiêu điều. Tuy nhiên, khi chúa Nguyễn xác lập quyền lực của mình ở phía Nam dãy Hoành Sơn và lựa chọn hải thương là ngành kinh tế chính yếu, thì Chiêm cảng đã chuyển hoá

đề trở thành một Faifo-Hội An - “trung tâm ngoại thương của cả Đàng Trong” (Nguyễn Đình Đầu, 1990: 183). Thời điểm khi người Bồ Đào Nha mới biết đến Hội An thì đây đã là “hải cảng chính trong xứ để hàng hóa ngoại quốc du nhập vào Cochinchine” (Đỗ Bang, 1996: 46), với hai cửa vào là cửa Đại Chiêm (thường dành cho tàu thuyền đến từ phía Nam) và cửa Hàn (tàu thuyền đến từ phía Bắc). Và đến khi họ tiến hành giao thương ở thương cảng này thì “Phố Hội An ở hai bên bờ sông lớn phía Nam xã Hội An và Minh Hương, nhà ngói liên tiếp độ hai dặm, người Tàu cư trú ở 5 bang: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Gia Ứng, đều buôn bán hàng Tàu, trong có đình chợ, hội quán, khách buôn tụ tập. Phía Nam có đầm Trà Nhiêu làm chỗ cho ghe thuyền nam bắc đến đậu, cũng là chỗ đại đô hội vậy” (Lê Quý Đôn, 2017: 266).

Cảng thị Hội An hồi sinh và thu hút thương nhân từ khắp các nơi một phần cũng do sự dồi dào của nguồn hàng xứ Quảng. Theo như nhận định của khách buôn họ Trần đến từ Quảng Đông: “... thuyền từ Thuận Hoá về cùng cũng chỉ có một thứ hồ tiêu; còn từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không kịp được” (Lê Quý Đôn, 2017: 266). Điều này đã bước đầu cho thấy sự “giàu có” về sản vật của vùng đất Quảng Nam - nơi đứng chân của cảng thị Hội An. Về lâm thổ sản, “... ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp, trầm hương, tóc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bông, sáp, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu, cá muối, gỗ lạt đều sản xuất ở đây” (Lê Quý Đôn, 2017: 403). Về nguồn thủy hải sản có giá trị, đứng đầu bảng trong danh mục này là yến sào. Ở vùng Quảng Nam, chim Yến làm tổ tại hang Khô, Tai, Cỏ, Tò Vò... của quần đảo Cù Lao Chàm bằng chính nước bọt tiết ra từ cơ thể của mình. Theo nghiên cứu của Nguyễn Chí Trung và Trần Ánh thì ngư dân làng Thanh Châu là những người đầu tiên phát hiện ra Yến sào ở Cù Lao Chàm từ đầu thế kỷ XVII. Dưới thời chúa Nguyễn, ban đầu làng Thanh Châu khai thác yến một cách tự phát. “Phủ Thăng Hoa, huyện Hà Đông, xã Thanh Châu có nghề lấy yến sào” với mức thuế được quy định rõ ràng: “hàng năm cứ đến tháng 2 phải nộp tổ non mới 120 tổ...” (Lê Quý Đôn, 2017: 262). Đến trước khi người phương Tây xuất hiện, Yến sào là một trong những mặt hàng có giá trị cao nhất trên thị trường với giá yến là 200 quan/tạ so với tê giác 500 quan/tạ, đồi mồi 180 quan/tạ. Vì thế không có gì đáng ngạc nhiên khi Yến sào là một trong những mặt hàng mà thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha cực kỳ ưa chuộng khi buôn bán tại cảng thị Hội An.

Xuất phát từ sự ưu đãi của tự nhiên, người xứ Quảng đã sáng tạo ra nhiều ngành nghề thủ công truyền thống mà nổi bật nhất trong đó là uơm tơ dệt lụa và nghề làm đường. Do điều kiện tự nhiên khá ưu đãi với nhiều cồn bãi, đầm phá lưu giữ một phần phù sa mà các đợt mưa lũ đưa về nên từ xa xưa trong lịch sử, trên vùng đất Duy Xuyên, “người Chăm xưa trồng dâu để nuôi tằm và trồng bông... người ta lấy bông rồi kéo sợi để dệt vải thô, vải thô đan chuôi đi trông giống như vải nhỏ. Nhuộm đi dệt thành vải ngũ sắc và vải có màu lốm đốm. Phụ nữ dệt lụa và vải, những vải tàng trữ trong các kho vua xưa chứng tỏ họ dệt rất khéo” (Wheeler, C., 2015: 295). Nguồn nước dồi dào của sông Thu Bồn đã chuyển tải một lượng phù sa lớn bồi đắp cho vùng đất hai bên bờ sông tạo thành bãi, nương, nà rất thích hợp cho sự phát triển của cây dâu. Vì thế mà ngay từ buổi đầu định cư lập xóm làng, di dân người Việt gắn bó với cây dâu như một sự lựa chọn mang tính sinh tồn. Khi Christophoro Borri đến khu vực này đã ghi lại: “có những cây dâu cao lớn người ta hái lá để nuôi tằm được trồng trong những thửa ruộng lớn như cây gai ở bên ta và mọc lên rất chóng. Thế nên chỉ một trong ít tháng là tằm được đưa ra ngoài khí trời và được nhả tơ, làm thành những cái kén nhỏ và số lượng rất nhiều” (Dror, O., Taylor, K.W., 2006: 105; Borri, C., 1999: 32). Trong khi đó, tận dụng nguồn tài nguyên sẵn có, người Việt và người Minh Hương đã lập ra nhiều cơ sở sản xuất mía đường dọc hai bên bờ sông Thu Bồn, Vu Gia và ngay cả ở vùng kế cận cảng thị Hội An. Trong các loại đường xuất cảng qua cảng thị Hội An, thì đường bánh (đường đen), đường băng hon (đường phèn), đường thạch khô (đường phổi) hay được thuyền buôn Nhật Bản, Trung Hoa... mua về với giá khoảng 4 quan/1 tạ đường phèn, 12 quan/1 tạ bạch đường. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn chú ý đến loại đường sản xuất ở Điện Bàn: “Đường phổ đẳng (đường phổi) sản ở phủ Điện Bàn, xốp nhẹ mềm trắng, một phiến nặng 1 cân. Họ Nguyễn thường sai ký lục Quảng Nam mua ở châu Xuân Đài và xã Đông Bàn có kỳ 300 cân, có kỳ 800 cân, để cúng kỵ chạp, phát mỗi cân 24 đồng, không có thuế” (Lê Quý Đôn, 2017: 406).

Đặc biệt, trong lòng đất xứ Quảng (chủ yếu ở phủ Thăng Hoa, huyện Duy Xuyên) còn có một loại khoáng sản cực kỳ có giá trị, đó là vàng. Khi người phương Tây có mặt ở cảng thị Hội An, họ đã rất ngạc nhiên trước sự giàu có của vùng đất này và dành nhiều thời gian để ghi chép những thông tin quý giá về vàng. Thương gia Pháp Pierre Poivre đã dành một mục nói về vàng ở Xứ Quảng và viết: “Các mỏ vàng có tiếng thuộc Dinh Chiêm (tức Quảng Nam dinh) ở một địa điểm gọi là Phunrac cách Hội An gần tám dặm (?)”... Tại nơi tôi trực tiếp quan sát, thỉnh thoảng người ta nhặt được những cục vàng ròng nặng khoảng hai ao - xơ (0.28g một ao - xơ). Vàng được thu gom dưới dạng vàng vụn hoặc từng cục nhỏ rồi nấu thành thỏi, mang ra chợ bán như mọi thứ hàng hóa khác...”, và ông kết luận: “Đàng Trong là xứ sở của vàng, vàng ở đây tốt, đẹp và tinh khiết nhất thế giới” (Nguyễn Văn Kim, 2011: 12-13).

Chính sự giàu có về sản vật, sự hồi sinh của cảng thị Hội An đã mang đến những “ưu thế”, “sức hút” riêng cho Quảng Nam mà khó có một vùng đất nào ở Đàng Trong có được. Thế nhưng, phải đến khi Dinh trấn Thanh Chiêm được thiết lập thì Quảng Nam mới gần như hội tụ đầy đủ những yếu tố để trở thành “kinh đô thứ hai của Đàng Trong” thời chúa Nguyễn (Châu Yến Loan, 2019). Dinh trấn Thanh Chiêm ra đời vào năm 1604 - 2 năm sau khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng quyết định thành lập Dinh Quảng Nam - như thủ phủ của một vùng đất rộng lớn gồm: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên ngày nay. Đây là nơi đặt dinh thự của quan Trấn thủ Quảng Nam và là trụ sở của ba cơ quan hành chính đầu não của dinh Quảng Nam gồm Xá sai ty, Tướng thần tại ty và Lệnh sử ty (Đình Trọng Tuyên, Đình Bá Truyền, 2020: 18). Cả Dinh trấn Thanh Chiêm và cảng thị Hội An đều nằm ở bờ bắc của sông Chợ Cùi (Sài Thị Giang) và được nối với nhau bằng một quan lộ dài tầm 10km rất thuận lợi cho giao thông bằng hai đường thủy bộ (Đình Trọng Tuyên, Đình Bá Truyền, 2020: 55). Nếu Hội An trở thành cảng thị quốc tế, mang đến sự phồn thịnh cho đất Đàng Trong thì dinh trấn Thanh Chiêm còn giữ một vai trò quan trọng khác mà không một địa phương nào có thể thay thế được, kể cả Thuận Hóa, đó là việc trực tiếp giao thiệp với người ngoại quốc, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu và ngoại thương. Tất cả tàu bè, thương gia, du khách hay giáo sĩ ngoại quốc vào xứ Đàng Trong đều do hai cửa Hội An, Đà Nẵng và qua sự kiểm soát của quan trấn thủ Dinh trấn Thanh Chiêm. Có lẽ vì vậy mà Châu Yến Loan nhận định: “Dinh trấn Thanh Chiêm, có thể xem là kinh đô thứ hai của chúa Nguyễn sau Chính dinh ở Thuận Hoá.” (Châu Yến Loan, 2019: 92). Sự ra đời của Dinh trấn Thanh Chiêm và sự hưng khởi của Hội An một lần nữa cho thấy vai trò của vùng đất Quảng Nam trong tổng thể chiến lược thương mại hướng biển của chúa Nguyễn, như sách Đại Nam thực lục (tập 1) đã ghi lại rằng: “Quảng Nam đất tốt dân đông, sản vật giàu có, số thuế nộp vào nhiều hơn Thuận Hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa. Chúa thường để ý kinh dinh đất này” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 35).

4. Quảng Nam trong tuyến thương mại biển nội vùng ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn

Như đã phân tích, để thực thi chiến lược thương mại hướng biển, chúa Nguyễn đã có những chính sách nhằm phát triển thương mại nội vùng dựa trên nguồn thương phẩm của mỗi địa phương. Quảng Nam là vùng nổi tiếng với tơ lụa, đường, vàng, yến sào, quế, trầm hương, hồ tiêu, cau khô... Đây đã trở thành những sản phẩm chính trong các tuyến hải thương ở Đàng Trong không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu thụ của nhân dân mà quan trọng hơn là xuất khẩu. Ở chiều ngược lại, chính ngoại thương nhộn nhịp đã có tác động tích cực đến việc khai thác các sản phẩm địa phương đặc trưng này và “tạo nên một phân công lao động xã hội và buôn bán phát triển không hạn chế trong vài đơn vị hành chính phủ huyện, không phải chỉ trong hai phủ Thăng Điện mà lan toả cả Đàng Trong” (Phan Đại Doãn, 1991: 267).

Cùng với Hội An - đầu mối thương nghiệp của đất Đàng Trong, Quảng Nam cũng là vùng đất đóng vai trò quan trọng trong tuyến thương mại biển nội vùng của đất Đàng Trong. Theo thống kê, trong 447 thương thuyền Đàng Trong phân bố từ cảng Bồ Chánh đến Gia Định vào năm 1768, thì phủ Thăng Hoa (thuộc địa giới Quảng Nam ngày nay) là một trong số những nơi có nhiều thương

thuyền ra vào buôn bán nhất (Lê Quý Đôn, 2017: 273). Bên cạnh đó, do vị trí địa lý vô cùng thuận lợi, cảng thị vùng Quảng Nam (trong đó có Hội An) đóng vai trò là điểm kết nối với cảng thị Thanh Hà (Huế) và Nước Mặn (Quy Nhơn). Từ Hội An, hàng hóa được vận chuyển và tiêu thụ ở Thanh Hà (Huế) nhằm phục vụ nhu cầu của Phú Xuân, đồng thời chuyển về phía nam đến Nước Mặn đáp ứng nhu cầu của phủ Quy Nhơn, vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ ngày nay. Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn thì “Phàm hoá vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy đường bộ đi thuyền đi ngựa đều hội tập ở phố Hội An” (Lê Quý Đôn, 2017: 266). Do đó, trong thế kỷ XVII, XVIII, ở Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung, nghề buôn đường biển nội địa phát triển cực kỳ thịnh đạt với sự tham gia của thương nhân người Việt, người Hoa và cả người Nhật. Bằng chiếc ghe bầu, ghe thuyền buồm, dân các lái, dân ghe bầu, bạn ghe bầu đã lập thành các vạn buôn đường biển và thường lấy chính tên địa phương để đặt như vạn Thanh Châu, Cẩm Phô, Hội An, Bàn Thạch... Việc buôn bán theo phương thức này không chỉ tồn tại duy nhất tại Quảng Nam nhưng phải khẳng định rằng trong không gian của Đàng Trong, không một địa phương nào có thể so sánh được với vùng đất này về số lượng ghe thuyền và số lượng người tham gia. Theo nhiều tư liệu để lại, hàng năm từng đoàn ghe bầu của các vạn Thanh Châu, Cẩm Phô, Thanh Hà, Sơn Phô, Hội An, Cẩm An, Trường Lệ đã giong buồm ra khơi để thực hiện những chuyến buôn xa, dài ngày. Hàng hóa mang đi là sản vật tại chỗ như cau, quế, hồ tiêu, chiếu, nón, đường, đồ tre đan, đồ gốm, gỗ, hải sản khô và chở về là các mặt hàng như gạo, dây dừa, lá đem, đồ sứ, muối mắm, vải vóc, đồ đồng... (Trần Văn An, 2016: 116). Vì thế, khi đến Hội An vào thế kỷ XVII, Thiền sư Thích Đại Sán đã từng kinh ngạc rằng: “Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hỏi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương, đậu chờ gió tại cửa Hội An...” (Thích Đại Sán, 2016: 145). Không những thế, những thương nhân xứ Quảng còn theo thương thuyền vào tận Đàng Ngoài như một ghi nhận: “... có 15 người khác do chiếc thuyền Hội An đi Đàng Ngoài đong gạo, gặp bão ở Côn Lôn lên đênh 4 ngày, vật được chủ thuyền Hạ Môn là Tô Ngạn Quan cứu sống được trai gái 15 người...” (Lê Quý Đôn, 2017: 306). Bên cạnh đó, mặc dù đất nước bị chia cắt nhưng giao thương Đàng Trong, Đàng Ngoài vẫn được tiến hành thông qua hệ thống cảng thị trên. Một mạng lưới thương mại biển nội vùng được hình thành, vận động và phát triển mà trong đó Quảng Nam là một trong những trung tâm (cùng với Huế và Quy Nhơn) đã cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của vùng đất này trong chính sách hướng biển của chính quyền chúa Nguyễn.

Hoạt động thương mại biển thịnh đạt ở Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung đã góp phần tạo nên diện mạo vô cùng đông đúc, nhộn nhịp cho phố cảng này. Thiền sư Thích Đại Sán khi đến Hội An vào năm 1695 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đã hết sức sững sốt trước cảnh tấp nập của phố chợ: “Hai bên bờ, nhà cửa đông đúc, người đi đường xôn xao, kẻ gánh người gồng, người ta đã đi chợ từ sáng” (Thích Đại Sán, 2016: 146). Bên cạnh đó, sự phục hồi hoạt động thương mại biển ở Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển nội thương của Đàng Trong và dẫn đến sự ra đời của một số thị tứ (mà nổi bật nhất là Tam Kỳ và Nước Mặn).

5. Quảng Nam trong tuyến thương mại biển nội Á thời chúa Nguyễn

Không chỉ đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới thương mại biển nội vùng, Quảng Nam còn trở thành “trung tâm” trong tuyến hải thương quốc tế được thể hiện trên hai khía cạnh chính. Thứ nhất, cảng thị Hội An cùng với Dinh trấn Thanh Chiêm trở thành trung tâm trong giao thương quốc tế của Đàng Trong. Thứ hai, phần lớn nguồn hàng xứ Quảng là sản phẩm chính cho thương mại biển giữa Đàng Trong với các quốc gia bên ngoài.

Như đã nói ở trên, chính sách thương mại biển của chính quyền chúa Nguyễn ra đời trong bối cảnh quốc tế hết sức thuận lợi. Do những tiến bộ về kỹ thuật đóng thuyền và tri thức hàng hải, nhiều đoàn thuyền lớn của các quốc gia châu Á không nhất thiết tuân thủ theo tuyến hải thương truyền thống nữa. Từ miền Nam Trung Hoa hay Nhật Bản, các đoàn thuyền buôn có thể tiến thẳng đến các cảng Đông Nam Á. Do vậy, các cảng miền Trung trong đó có Hội An trở thành đầu mối

giao thương trực tiếp với các trung tâm kinh tế lớn khu vực. Thời điểm khi người Bồ Đào Nha mới biết đến Hội An thì “Faifo từ thế kỷ XVI đã biết nó nổi tiếng về thương mại...” (Đỗ Bang, 1996: 46). Đến cuối thế kỷ XVI, Hội An là trở thành địa điểm tập trung của thương nhân người Hoa và người Nhật - những người phải trốn chạy ra khỏi quê hương do những biến động mạnh mẽ về chính trị. Những thương nhân người châu Á này đến Hội An để thu mua các mặt hàng mà họ cần trong kỳ “áp đông”, trước khi vận chuyển chúng đến bán ở các thị trường khác thu lợi nhuận. Trước tình hình đó đòi hỏi chúa Nguyễn phải giải quyết yêu cầu định cư của tầng lớp thương nhân ngoại kiều này bằng cách cho phép họ chọn một nơi gần cảng Hội An để lập phố và cư trú buôn bán lâu dài. Từ đó, bên cạnh thương nhân người Việt vốn chiếm số lượng ít, ở Hội An đã hình thành hai khu cư trú của thương nhân Nhật Bản và Trung Quốc. Đến đầu thế kỷ XVII, “vì cho tiện việc hội chợ, chúa Nguyễn đã cho phép người Trung Quốc và Nhật Bản làm nhà cửa theo tỷ lệ với số người của họ để dựng lên một đô thị. Đô thị này gọi là Faifo và nó khá lớn. Chúng ta có thể nói có hai thành phố, một của Trung Quốc, một của Nhật Bản. Họ sống riêng biệt đặt quan cai trị riêng và theo phong tục tập quán của mỗi nước” (Dror, O., Taylor, K.W., 2006: 133; Borri, C., 1999: 92).

Sự hội tụ của thương nhân người Hoa và người Nhật đã khiến cho thương mại của Hội An trở nên sầm uất và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thương nhân phương Tây: “Người ngoại quốc bị lôi cuốn bởi sự phồn thịnh của xứ sở và bị kích thích bởi lòng yêu sự giàu có đã có mặt dày đặc, đông đúc ở đây” (Trần Anh, 2014: 63). Ngoại trừ thương nhân Bồ Đào Nha không lập thương điểm, Hà Lan, Anh, Pháp đều lần lượt lập trụ sở thương mại tại Hội An. Từ các thuộc địa quan trọng của mình tại Malacca (Bồ Đào Nha), Macao (Bồ Đào Nha), Batavia (Hà Lan),... từng đoàn thương thuyền phương Tây đến Hội An trong *mùa mậu dịch*. Đây là phương thức buôn bán phổ biến nhất và thuận lợi nhất cho các thương nhân phương Tây - vốn đã quen với mô hình hội chợ được mở trên các cảng thị châu Âu thời điểm đó. Vì thế, trong sự đối sánh với các cảng thị đương thời như Thanh Hà (Huế) và Nước Mặn (Quy Nhơn) thành phần cộng đồng thương nhân nước ngoài ở Hội An là khá phong phú. Đặc biệt, thương nhân Hoa kiều đã tận dụng mạng lưới sông ngòi vùng Quảng Nam để đi sâu vào nội địa, hình thành nhiều cộng đồng người Minh Hương ở các vùng sâu trong nội địa của xứ Quảng.

Do sự xuất hiện và sinh sống của khá nhiều thương nhân đến từ các khu vực khác nhau nên dinh Quảng Nam nói chung được đặt dưới quyền kiểm soát hết sức chặt chẽ từ chính quyền trung ương thông qua Trấn thủ Quảng Nam. Đây là người được chúa Nguyễn trao đặc quyền trực tiếp giao thiệp với người ngoại quốc và kiểm soát ngoại thương, xuất nhập cảng. Kết hợp với đó, các chúa Nguyễn quy định cho tất cả các thuyền buôn nước ngoài muốn đến Đàng Trong đều phải vào Hội An làm thủ tục với cơ quan ngoại thương đóng ở đây. Để kiểm tra, đánh thuế thuyền buôn ngoại quốc, Chúa Nguyễn đặt cơ quan gọi là Tàu ti ở Hội An. Đối với thương nhân Hà Lan, Anh, họ sử dụng thương điểm tại Hội An làm nơi thu mua và chứa hàng hóa trong mùa mưa; và đến mùa mậu dịch, họ sẽ đến để chuyên chở chúng về châu Âu hoặc phân phối đến Trung Quốc, Nhật Bản. Đối với thương nhân Bồ Đào Nha, do không lập thương điểm nên họ tiến hành buôn bán ngay trên khoang thuyền hoặc thuê một “khách sạn” để cư trú tạm thời trong mùa mậu dịch. Đôi khi, họ để lại Hội An các viên “thư ký” tàu buôn để làm việc với tầng lớp mại biện (hoặc mãi biện) người Trung Hoa, người Nhật nhằm chuẩn bị cho việc thu mua hàng hóa trong mùa mậu dịch sau. Cùng với việc sử dụng mại biện, thương nhân nước ngoài cũng phải đặt tiền ứng trước (khoảng 1/3 đến 1/2 tổng giá trị hàng hóa) để lấy lòng tin. Việc đặt hàng ứng trước này thường được thực hiện đối với chúa hoặc quan lại và cả với người sản xuất tơ, đường mía với những mẫu hàng, giá hàng theo quy định được thỏa thuận trước với người mua. Tuy nhiên, do việc buôn gian, bán lận (mua hàng thật, bán hàng giả; dùng cân sai, nói dối...) khá thường xuyên nên một số thương nhân Hà Lan cũng đã lấy vợ Việt nhằm khắc phục “khâu trung gian” trong việc làm ăn lâu dài tại Hội An.

Trong các mối quan hệ đa dạng của Đàng Trong, thương nhân và các giáo sĩ Bồ Đào Nha đã đến Hội An sớm nhất vào đầu thế kỷ XVI. Đến đầu thế kỷ XVII, hầu hết các cường quốc thương mại châu Âu như Hà Lan, Anh... đều đến Hội An buôn bán. Có thể nói chưa bao giờ trong lịch sử thương mại Việt Nam, nền kinh tế ngoại thương mại ở Hội An có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII, đây cũng là giai đoạn phát triển đỉnh cao của ngoại thương Đàng Trong.

Tuy nhiên, do tính chất “mở” của Hội An nên trong suốt thời kỳ tồn tại của mình, cảng thị này chỉ có “thị” mà không có thành trì bảo vệ. Dinh trấn Thanh Chiêm ra đời nằm ngoài vi của Hội An vừa cho thấy tầm quan trọng của cảng thị này, vừa khẳng định vị thế của vùng đất Quảng Nam trong chiến lược hải thương chung của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà những thế tử kế thừa cơ nghiệp đều được chúa Nguyễn đưa vào trấn thủ Quảng Nam dinh. Một lực lượng quân đội thường trực được xây dựng, đặc biệt là thủy binh với căn cứ được đặt tại bến Vạn Đông - ngay trước mặt dinh trấn (Đình Trọng Tuyên, Đình Bá Truyền, 2020: 11). Chính nhờ lực lượng thủy binh hùng hậu này mà cả dinh Quảng Nam lẫn cảng thị Hội An đều được bảo vệ an toàn trước sự đe dọa của các cường quốc phương Tây thời bấy giờ. Một phức hợp: cảng thị Hội An - Dinh trấn Thanh Chiêm - căn cứ thủy binh Vạn Đông đã cho thấy tầm nhìn của các chúa Nguyễn đối với vị thế chiến lược của vùng đất Quảng Nam trong chính sách thương mại hướng biển đối với Đàng Trong.

Với nguồn hàng phong phú lại mang tính chất đặc trưng riêng, hệ thống vận chuyển hàng hóa dựa trên các con sông của xứ Quảng đã làm tăng thêm khả năng cung ứng hàng hóa cho cảng thị Hội An. Với mạng lưới thương điểm rộng lớn của mình cùng ưu thế về kỹ thuật hải thương, thương nhân Bồ Đào Nha, Hà Lan đã trở thành thế lực thu mua hàng hóa bản địa lớn tại Hội An. Từ năm 1613 đến 1633, các bản ghi chép của triều đình nhà Nguyễn và Dòng Tên đã liệt kê những sản phẩm từ khai thác mỏ như vàng và sắt; từ những nhóm dân tộc thiểu số chuyên thu hoạch quế, cau, hồ tiêu, trầm và gỗ xây dựng hay săn bắn ngà voi, sừng tê giác và da hươu; từ những hộ gia đình sản xuất dầu thơm và lụa hay làm đồ gỗ và sành sứ để xuất khẩu; từ những trang trại trồng thuốc và mía, và từ các làng ven biển và hải đảo chuyên đánh bắt hải sản (Wheeler, C., 2015: 112). Trong sự thịnh vượng của Hội An, các chúa Nguyễn và các thương nhân nước ngoài hiển nhiên là một phần không thể tách rời nhưng những nhân tố đầu thuận lợi của nền kinh tế bản địa đã góp phần khẳng định chức năng của Hội An trong mậu dịch và thương mại. Nền thương mại phương Tây vốn cần các sản phẩm bản địa - những sản phẩm mà khả năng cung ứng của thị trường Hội An khá dồi dào. Từ đây, Hội An trở thành điểm trung chuyển trên con đường hải thương sầm uất nhất châu Á từ các cảng thị ở Ấn Độ đến Đông Nam Á và vùng Viễn Đông. Nhờ vậy, không ít mặt hàng từ cảng thị Hội An theo chân thương nhân châu Âu về phương Tây và tham gia vào các hội chợ nổi tiếng thời kỳ bấy giờ ở Đức, Hà Lan, Anh...

Tóm lại, nếu nhìn trong tổng thể không gian Đàng Trong thời chúa Nguyễn, ngoài Phú Xuân, có lẽ không có vùng đất nào xác lập được vị thế vững chắc trong thương mại biển của Đông Nam Á như Quảng Nam. Sự kết hợp giữa quản lý mang tính chính trị - quân sự tại Dinh trấn Thanh Chiêm với cách thức ngoại thương trực tiếp tại Hội An, đã tạo nên một hệ thống quản lý ngoại thương tương đối hoàn chỉnh của chính quyền các chúa Nguyễn. Có thể nói rằng, thương cảng quốc tế Hội An cùng với “hấp lực” sẵn có của Quảng Nam trên phương diện địa - chính trị đã khiến cho vùng đất này xác lập được vị trí hàng đầu ở xứ Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn trong hoạt động hải thương. Những hoạt động mạnh mẽ của mạng lưới buôn bán nội vùng và liên vùng ở cảng thị Hội An dưới sự điều hành của Dinh trấn Thanh Chiêm cũng đồng thời có tác động tích cực đến hoạt động nội thương trong nội địa xứ Quảng Nam và của cả xứ Đàng Trong, góp phần xác lập vị thế của Quảng Nam dinh trong suốt hơn hai thế kỷ.

6. Kết luận

Cùng với quá trình xác lập quyền lực ở phía Nam dãy Hoành Sơn, “chính sách hướng biển” đã được các chúa Nguyễn xác định như là “hạt nhân” trong chiến lược phát triển vùng đất này từ đầu thế kỷ XVII. Trong đó, phát triển thương mại biển với hệ thống cảng thị liên vùng đã trở thành đặc trưng nổi bật nhất của chính sách này và góp phần tạo nên “tiềm lực” mạnh mẽ cho chính quyền Đàng Trong.

Là một vùng đất đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình mở nước về phương Nam của người Việt, trong bối cảnh thời đại mới, Quảng Nam đã phát huy được toàn bộ những ưu thế về điều kiện tự nhiên và sản vật để trở thành một “Quảng Nam quốc” lừng danh trong lịch sử. Với sự

hưng khởi của cảng thị Hội An, một mạng lưới giao thương nội vùng với cảng thị Nước Mặn (Quy Nhơn), Thanh Hà (Huế),... được hình thành. Không những thế, Hội An còn là thương cảng trung tâm để từ đó chính quyền Đàng Trong phát triển quan hệ giao thương biển với các thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản, Đông Nam Á, và đặc biệt là phương Tây. Sự liên kết nội vùng và liên vùng trong thương mại biển đã tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hoá từ đồng bằng đến miền núi của Quảng Nam. Để từ đó, vùng đất này bước vào giai đoạn “hoàng kim” trong thương mại quốc tế.

Hiện nay, “hướng biển” và phát huy ưu thế kinh tế biển đang là định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Kế thừa những bài học của tiền nhân, chính quyền tỉnh Quảng Nam trong thời gian vừa qua đã không ngừng có những chính sách tận dụng vị thế giáp biển, tận dụng nguồn sản vật phong phú, một lần nữa đẩy mạnh phát triển kinh tế biển. Vậy nên, sự hưng thịnh của thương mại biển Quảng Nam dưới thời chúa Nguyễn hiện vẫn đang là vấn đề có tính thời sự, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho việc thực thi chính sách hướng biển của chính quyền Quảng Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Châu Yên Loan. (2019). *Dinh trấn Thanh Chiêm - Kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong*. Nxb. Đà Nẵng.
- Christoforo Borri. (1999). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dror, O; Taylor, K. W. (2006). *Views of Seventeenth-Century Vietnam: Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*, New York.
- Đoàn Lê Giang. (2014). “Ngoại phiên thông thư”: tập tư liệu tối cổ về quan hệ Việt - Nhật. *Nghiên cứu khoa học*. Đại học Quốc gia Hà Nội. Số 05.
- Đỗ Bang. (1996). *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An - Thanh Hà - Nước Mặn) thế kỷ XVII-XVIII*. Nxb. Thuận Hóa.
- Đình Trọng Tuyên - Đình Bá Truyền. (2020). *Dinh trấn Thanh Chiêm Quảng Nam*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hardy, A.D; Cucarzi, Mauro; Zolese, Patrizia. (2009). *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)*. NUS press.
- Lê Quý Đôn. (bản dịch bổ chính: Trần Đại Vinh, 2017). *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Đình Đầu. (1990). Quá trình hình thành và phát triển phố cổ Hội An. Trong Kỷ yếu Hội thảo: Quốc tế *Đô thị cổ Hội An*, Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn Kim. (2006). Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực. *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 6 (362).
- Nguyễn Văn Kim. (2011). Các nguồn hàng và thương phẩm của Đàng Trong. *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 4.
- Nguyễn Văn Kim. (2019). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Ngọc Thảo. (2020). *Nhận thức về biển và chính sách hướng biển của các chúa Nguyễn Đàng Trong (thế kỷ XVI - thế kỷ XVIII)*. [Luận án tiến sĩ Lịch sử thế giới, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Phan Đại Doãn. (1991). Hội An và Đàng Trong. Trong Kỷ yếu Hội thảo: *Đô thị cổ Hội An*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. t.1. Nxb. Giáo dục.
- Thích Đại Sán. (theo bản in năm 1963, tái bản năm 2016). *Hải Ngoại ký sự - Sử liệu nước Đại Việt thế kỷ XVII*. Người dịch: Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương. Nxb. Khoa học xã hội.
- Trần Văn An. (2016). *Biển đảo trong văn hóa văn nghệ dân gian Hội An*. Nxb. Hội Nhà văn.
- Trần Ánh (Chủ biên), Trần Văn An, Tổng Quốc Hưng, Lê Thị Tuấn. (2014). *Nghề buôn và tên hiệu buôn trong đời sống văn hóa Hội An*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Wheeler, C. (2015). Một vùng đất - Hai lịch sử: Tiền tố Chăm trong lịch sử vùng đất Hội An. Trong sách *Một số chuyên đề Lịch sử thế giới*. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (đồng chủ biên). t.3. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.